

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Cao Thị Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

**\* Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên  
tòa:** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đội 8, thôn HT, xã BH, huyện PX, thành phố HN.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB.

(*Tại phiên tòa có mặt chị N; Vắng mặt anh T*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/3/2020 và tại phiên tòa chị Nguyễn Kim N nguyên đơn trình bày:**

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với Nguyễn Hữu T ngày 26/9/2014 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xô sát, anh T không quan tâm đến vợ con và gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 11/11/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

**\* Về con chung:** Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Khánh A1, sinh

ngày 25/4/2016 và Nguyễn Khánh A2, sinh ngày 31/8/2018. Hiện nay cháu A1 đang ở với anh T và học tập tại xã ĐP, cháu Anh đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Khánh A2 và nhường quyền nuôi con chung Nguyễn Khánh A1 cho anh T nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con và chị không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

*\* Về tài sản và nợ:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu T:** Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Nguyễn Hữu T không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2022 của ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958 (là bố đẻ anh T) - Trú tại: Thôn P, xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB, trình bày như sau: Anh T thường xuyên liên lạc về gia đình và về gia đình thăm con, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông đã thông báo đầy đủ cho anh T biết việc chị N xin ly hôn. Thông qua ông anh T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N chung sống với nhau là hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện ĐH giữa anh và chị N đã có mâu thuẫn từ lâu đã có lần anh làm đơn ly hôn nhưng chị N không đồng ý. Việc chị N xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 25/4/2016 và Nguyễn Khánh A2, sinh ngày 31/8/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Khánh A1 đang ở cùng anh và học tập tại xã ĐP. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Khánh A1 và đồng ý để chị N nuôi con chung Nguyễn Khánh A2.

- Về tài sản và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T cam kết khi nhận được các văn bản, tài liệu của Tòa án ông sẽ giao lại hoặc thông báo ngay cho anh T biết.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn là anh T, thông qua gia đình anh T đã biết được việc chị N xin ly hôn nhưng anh vẫn vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

+ về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

+ Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 25/4/2016 và Nguyễn Khánh A2, sinh ngày 31/8/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Khánh A1 đang ở cùng anh T nhưng do điều kiện hoàn cảnh anh T phải đi làm ăn nên đã gửi bố đẻ và em gái trông nom, chăm sóc, anh T cũng thường

xuyên về gia đình thăm nom, chăm sóc con nên vẫn đảm bảo nghĩa vụ của người làm cha nên tiếp tục giao con Nguyễn Khánh A1 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con chung Nguyễn Khánh A2 hiện nay đang ở cùng chị N nên tiếp tục giao chị N nuôi dưỡng là phù hợp và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản và nợ: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện ĐH, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa ngày 24/5/2022, anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 14/6/2022, anh T tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

- Tại phiên tòa HĐXX đã giải thích quyền nghĩa vụ của các đương sự và việc sau khi bản án có hiệu lực sẽ được công bố trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao. Chị N đề nghị HĐXX không công bố bản án.

#### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị N kết hôn với Nguyễn Hữu T ngày 26/9/2014 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xô sát, anh T không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn chị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2022, UBND xã ĐP xác định giữa chị N, anh T có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung chị N, anh T có 02 con chung là Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 25/4/2016 và Nguyễn Khánh A2, sinh ngày 31/8/2018 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo quyền lợi hợp pháp cho con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa HĐXX đã phân tích khuyên bảo chị N bỏ quan mẫu thuẫn, cho anh T cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chị N khẳng định giữa chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế, chị N xác định tình cảm giữ chị và anh T không còn nên chị cương quyết xin được ly hôn với anh T.

Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N, anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 25/4/2016 và Nguyễn Khánh A2, sinh ngày 31/8/2018. Ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Nguyễn Khánh A2 và nhường quyền nuôi con Nguyễn Khánh A1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc trực tiếp nhưng anh T thường xuyên về gia đình thăm con và liên lạc về gia đình nhưng do điều kiện hoàn cảnh phải đi làm ăn. Thông qua ông T là bố đẻ anh cũng trình bày nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Khánh A1 vì hiện nay con đang ở cùng anh và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị N mong muốn nhường quyền nuôi con chung Khánh A1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để con chung được ổn định cuộc sống không bị ảnh hưởng bởi việc giải quyết ly hôn của chị N, anh T. Việc anh T đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về chăm nom con chung nên việc giao con cho anh T vẫn đảm bảo quyền lợi của con chung và phù hợp với nguyện vọng của chị N, anh T. Vì vậy, cần giao con chung Nguyễn Khánh A1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Khánh A2 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và vẫn đảm bảo quyền lợi của con chung theo quy định của pháp luật. Hai bên không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản:** Chị Nguyễn Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Nguyễn Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**[6] Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

**2. Về con chung:** Xử giao cho chị Nguyễn Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Khánh A2, sinh ngày 31/8/2018. Giao cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 25/4/2016. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản và nợ:** Chị Nguyễn Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003022 ngày 22/3/2022 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kim N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/6/2022). Anh Nguyễn Hữu T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
Đã ký**

**Hoàng Văn Thành**